

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Kết luận số 203-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng ở mức 2 con số trong giai đoạn tới và tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Thực hiện Kết luận số 203-KL/TW, ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị và yêu cầu tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Văn bản số 1336-CV/BCSCLTW ngày 24/11/2025 của Ban Chính sách, chiến lược Trung ương. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Điện Biên xây dựng Chương trình hành động để thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” như sau:

I- Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ và quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương về bảo đảm tăng trưởng ở mức cao nhất năm 2025, tạo đà vững chắc để tỉnh Điện Biên phấn đấu tăng trưởng GRDP “02 con số” trong giai đoạn tới; góp phần thực hiện mục tiêu chung xây dựng đất nước phát triển nhanh, bền vững, hùng cường, nâng cao đời sống Nhân dân.

Xây dựng khuôn khổ chỉ đạo, điều hành thống nhất để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án trọng điểm, tạo động lực tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Làm cơ sở để các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị cụ thể hóa thành kế hoạch hằng năm, kế hoạch trung hạn và các kế hoạch chuyên đề; xác định rõ trách nhiệm, tiến độ, sản phẩm đầu ra, bảo đảm điều hành tăng trưởng theo kịch bản, theo quý, kịp thời bù đắp các chỉ tiêu còn thiếu hụt, hoàn thành mục tiêu tăng trưởng đề ra.

2. Yêu cầu

Quán triệt sâu sắc tinh thần “chủ động, quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả”; bám sát định hướng, yêu cầu của Trung ương; phù hợp tình hình thực tiễn của tỉnh; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, khả thi, gắn với các động lực tăng trưởng chủ yếu của địa phương.

Nội dung Chương trình phải rõ việc, rõ cơ quan chủ trì, rõ cơ quan phối hợp, rõ tiến độ, rõ kết quả; bảo đảm tính liên thông giữa nhiệm vụ, chương trình, đề án với dự án đầu tư; xác định trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ có khả năng tạo “sản phẩm tăng trưởng” sớm.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương; đề cao trách nhiệm người đứng đầu; gắn kết quả thực hiện với đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc; định kỳ sơ kết, tổng kết, kịp thời điều chỉnh giải pháp khi có biến động, bảo đảm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng “02 con số” và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II- Nội dung Chương trình hành động

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội; trọng tâm là Kết luận số 199-KL/TW, ngày 10/10/2025 của Hội nghị Trung ương 13 khóa XIII, các nghị quyết của Bộ Chính trị (số 57, 59, 66, 68, 70, 71, 72), cùng với chủ trương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong phát triển kinh tế gắn với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị chủ động rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện kế hoạch, chương trình hành động, cơ chế chính sách theo hướng sát thực tiễn, rõ nhiệm vụ, rõ nguồn lực, rõ tiến độ và rõ trách nhiệm, tạo sự thống nhất cao trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ theo Danh mục nhiệm vụ cụ thể của Chương trình hành động số 05-CTr/TU, ngày 06/11/2025; chủ động xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, bảo đảm tiến độ và hiệu quả. Để phấn đấu đạt mức tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2026 - 2030, yêu cầu tập trung chỉ đạo quyết liệt các nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến tăng trưởng, nhất là đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, phát triển hạ tầng; thúc đẩy xây dựng, công nghiệp chế biến, năng lượng, thương mại - dịch vụ và du lịch; đẩy nhanh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát huy vai trò động lực của các vùng kinh tế trọng điểm và các dự án chiến lược.

Các nhiệm vụ cần triển khai thực hiện như sau:

1. Tập trung vào các động lực tăng trưởng trực tiếp và tạo giá trị gia tăng cao

- *Cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh:* Tổ chức rà soát tổng thể cơ cấu ngành kinh tế theo Quy hoạch tỉnh, bám sát lợi thế so sánh của từng vùng, từng tiểu vùng; kịp thời điều chỉnh các định hướng phát triển chưa phù hợp, tập trung vào các ngành có khả năng đóng góp ngay vào tăng trưởng GRDP và tạo dư địa phát triển bền vững. Ưu tiên phát triển các ngành có tác động lan tỏa lớn như xây dựng - đô thị, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo, du lịch - dịch vụ chất lượng cao.

Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng dựa trên năng suất, khoa học - công

nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, giảm dần phụ thuộc vào đầu tư công và các yếu tố đầu vào truyền thống. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong thương mại, dịch vụ, logistics, tài chính - ngân sách và quản lý nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, tiết kiệm chi phí, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch.

Phát triển kinh tế số, chính quyền số và hạ tầng dữ liệu phục vụ doanh nghiệp; thúc đẩy đổi mới mô hình sản xuất - kinh doanh thông qua thương mại điện tử, kinh tế nền tảng, thanh toán số, các dịch vụ dựa trên dữ liệu.

- *Tập trung phát triển các ngành đóng góp ngay vào tăng trưởng*: Công nghiệp xây dựng: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải ngân vốn đầu tư công, ưu tiên hoàn thiện hồ sơ, đẩy nhanh tiến độ các dự án có khả năng tăng khối lượng thực hiện ngay trong năm. Mở rộng đầu tư hạ tầng giao thông - đô thị, hoàn thiện các dự án thủy lợi, giao thông nông thôn, hạ tầng trung tâm chính trị - hành chính. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, dự án năng lượng, công trình thủy lợi đa mục tiêu nhằm tạo dư địa phát triển sản xuất và dịch vụ.

Dịch vụ và du lịch: Đẩy mạnh xúc tiến quảng bá, mở rộng thị trường du lịch, phát triển sản phẩm đặc trưng mang dấu ấn lịch sử - văn hóa - sinh thái của Điện Biên; nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú, vận tải, vui chơi giải trí. Thu hút đầu tư các khu nghỉ dưỡng cao cấp, sân golf, khu biểu diễn thực cảnh, khu du lịch nước khoáng nóng, các dự án hạ tầng thương mại - chợ biên giới - trung tâm thương mại hiện đại.

Công nghiệp chế biến: Thúc đẩy thu hút đầu tư các nhà máy chế biến sâu nông - lâm sản; mở rộng sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp phục vụ nông nghiệp - du lịch, hướng tới hình thành chuỗi giá trị công nghiệp nội sinh trên địa bàn tỉnh.

- *Phát triển không gian kinh tế động lực* Hình thành và phát triển đồng bộ 04 trục động lực - 03 vùng kinh tế - 04 cực tăng trưởng theo Quy hoạch tỉnh, bảo đảm tính liên kết, lan tỏa, trở thành các trung tâm thúc đẩy thương mại, dịch vụ, công nghiệp và du lịch. Tăng cường đầu tư hạ tầng giao thông, đô thị, năng lượng, viễn thông cho các vùng động lực; phát triển khu vực trung tâm chính trị - hành chính thành đô thị thông minh, hiện đại, là đầu tàu tăng trưởng.

Đồng thời, thúc đẩy phát triển kinh tế trên không gian số, xây dựng nền tảng số phục vụ doanh nghiệp và người dân, tạo động lực tăng trưởng mới dựa trên công nghệ và dữ liệu.

2. Phát triển nông nghiệp theo hướng kinh tế nông nghiệp nâng cao giá trị, gắn với công nghiệp chế biến và nông thôn mới

- *Cơ cấu lại nông nghiệp gắn chuỗi giá trị - thị trường - công nghiệp chế biến*: Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng kinh tế nông nghiệp; chuyển mạnh từ tư duy sản xuất sang tư duy thị trường, chuỗi giá trị. Tập trung phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, đặc sản; xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đổi

với mắc ca, cà phê, cao su, quế, dược liệu và các cây trồng đặc hữu phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng.

Thu hút doanh nghiệp chế biến sâu và doanh nghiệp dẫn dắt thị trường, triển khai các mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ, phát triển thương hiệu nông sản Điện Biên; đẩy mạnh truy xuất nguồn gốc, chế biến tinh, hướng đến nâng cao khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Phát triển mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô lớn, ứng dụng công nghệ để tăng năng suất, kiểm soát dịch bệnh và tạo sản phẩm hàng hóa có giá trị gia tăng cao.

- *Nâng cao năng lực thích ứng và hiệu quả sản xuất*: Ứng dụng nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu, sử dụng giống cây trồng - vật nuôi có năng suất và chất lượng cao; kiểm soát chặt chẽ vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc BVTV nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

Tăng cường năng lực phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh quản lý và phát triển bền vững rừng, kinh tế rừng; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư lâm nghiệp. Khuyến khích phát triển dịch vụ môi trường rừng, tham gia thị trường tín chỉ carbon nhằm tạo nguồn thu bền vững và kích thích bảo tồn tài nguyên.

- *Gắn nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới*: Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; nâng cấp các tiêu chí hạ tầng nông thôn như giao thông, thủy lợi, điện, viễn thông. Khuyến khích phát triển dịch vụ nông thôn, di chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp - dịch vụ nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nông dân.

3. Đẩy mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và năng lượng sạch

- *Tăng quy mô và chất lượng công nghiệp chế biến - động lực tăng trưởng dài hạn*: Ưu tiên thu hút các dự án chế biến sâu nông - lâm sản, chế biến khoáng sản công nghệ cao, sản xuất vật liệu xây dựng thân thiện môi trường, phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp - du lịch, thúc đẩy hình thành hệ sinh thái công nghiệp nội sinh trên địa bàn.

- *Phát triển năng lượng sạch và đảm bảo an ninh năng lượng*: Triển khai đồng bộ nhiệm vụ và giải pháp, nhất là các giải pháp trọng tâm nhằm ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với các quan điểm, mục tiêu, định hướng tại Kế hoạch của Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh Điện Biên tại Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh Điện Biên.

Phấn đấu đến năm 2030 đưa vào vận hành các dự án năng lượng mới, tăng thêm 700-800 MW, đồng thời đầu tư nâng cấp hệ thống truyền tải nhằm bảo đảm

kết nối đồng bộ, an toàn, ổn định.

- *Phát triển công nghiệp nông thôn - làng nghề gắn văn hóa - du lịch*: Thực hiện hiệu có hiệu quả chính sách khuyến công; phát triển các làng nghề truyền thống theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực sản xuất, gắn bảo tồn văn hóa với khai thác du lịch.

- *Phát triển hạ tầng cụm công nghiệp*: Tập trung thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng 03 cụm công nghiệp đã phê duyệt quy hoạch chi tiết; đồng thời nghiên cứu mở rộng, quy hoạch thêm các cụm công nghiệp mới tại các khu vực có điều kiện thuận lợi, bảo đảm phát triển công nghiệp theo hướng bền vững và phù hợp quy hoạch.

4. Phát triển mạnh du lịch - thương mại - dịch vụ - kinh tế biên mậu

- *Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*: Lãnh đạo xây dựng Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035. Lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng dựa trên giá trị lịch sử “Chiến trường Điện Biên Phủ”, văn hóa các dân tộc, cảnh quan sinh thái - nghỉ dưỡng. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án như: Quần thể đô thị, dịch vụ, cáp treo Điện Biên Phủ; Khu đô thị mới, phố đi bộ sân bay Mường Thanh; Tổ hợp đô thị, du lịch, vui chơi giải trí khu vực hồ Pá Khoang; Khu đô thị, nghỉ dưỡng núi Tà Lèng; Tổ hợp khu đô thị, du lịch, thể thao, vui chơi giải trí hồ Huổi Phạ, ... Xây dựng và phát triển từ 1 đến 2 mô hình du lịch cộng đồng tiêu biểu, hấp dẫn gắn với bảo tồn, khai thác các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, khả năng kết nối và sự tham gia tích cực của nhân dân. Lãnh đạo tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch đặc trưng thu hút nhiều đối tượng tham gia.

Phối hợp nâng cao hiệu quả khai thác đường bay Hà Nội - Điện Biên - Thành phố Hồ Chí Minh; nghiên cứu mở đường bay kết nối với các trung tâm du lịch lớn như: Đà Nẵng, Côn Minh (Trung Quốc), Chiềng Mai (Thái Lan), Luông Pha Bông - Lào.

Tăng cường công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh miền đất, văn hóa và con người Điện Biên trên các phương tiện truyền thông, các nền tảng mạng xã hội, ... nhằm thu hút khách du lịch.

- *Thương mại - dịch vụ hiện đại*: Phát triển hạ tầng thương mại hiện đại; mở rộng hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ biên giới. Đẩy mạnh thương mại điện tử, logistics; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên, phát triển hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- *Kinh tế biên mậu và hạ tầng cửa khẩu*: Ưu tiên đầu tư cửa khẩu A Pa Chải - Long Phú; nâng cấp hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, phát triển các dịch vụ phụ trợ, logistics, thương mại biên giới. Mở rộng hợp tác thương mại với Lào và Trung

Quốc; gắn phát triển kinh tế biên mậu với bảo đảm quốc phòng - an ninh và nâng cao đời sống người dân vùng biên.

5. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tiếp tục đơn giản hóa thủ tục đầu tư, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, trong hoạt động sản xuất - kinh doanh và trong hỗ trợ doanh nghiệp. Thúc đẩy mạnh mẽ phát triển khu vực kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế; khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã mở rộng đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng của tỉnh. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư theo nguyên tắc trọng tâm, trọng điểm, lan tỏa; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án hạ tầng thiết yếu và động lực; đồng thời tăng cường xã hội hóa đầu tư, công khai, minh bạch trong phân bổ nguồn lực. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn như PPP, FDI, doanh nghiệp tư nhân, quỹ đầu tư; chủ động tăng cường hợp tác, liên kết vùng và hội nhập quốc tế để mở rộng không gian phát triển, thúc đẩy giao thương, kết nối thị trường trong nước và quốc tế.

Tỉnh ủy, tổ chức đảng các cấp tích cực ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng ở mức hai con số giai đoạn 2026 - 2030. Chú trọng công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế; ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, thẩm quyền; chú trọng đến các chính sách đặc thù, có tính đột phá phù hợp với thực tiễn địa phương nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo hành lang pháp lý, góp phần thúc đẩy đầu tư, tạo động lực tăng trưởng trên địa bàn.

6. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; tăng cường quản lý, giám sát và xử lý nghiêm tình trạng lãng phí, thất thoát tài nguyên đất, nước, khoáng sản; kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, đánh giá tác động môi trường; xử lý triệt để các điểm ô nhiễm, không để phát sinh điểm nóng; thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với bảo vệ môi trường bền vững. Chủ động triển khai các nhiệm vụ phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu; xây dựng và cập nhật bản đồ khu vực có nguy cơ thiên tai cao; xây dựng phương án ứng phó phù hợp theo từng địa bàn và theo từng loại hình thiên tai nhằm bảo đảm an toàn cho Nhân dân, sản xuất và cơ sở hạ tầng quan trọng của tỉnh.

7. Tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng; mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Đẩy mạnh hợp tác phát triển hạ tầng, nhất là các dự án giao thông chiến lược như: Đầu tư xây dựng đoạn tuyến cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang, Quốc lộ 279, Quốc lộ 4H và các tuyến kết nối với Lai Châu - Sa Pa - Tây Bắc nhằm tạo hành lang kinh tế liên vùng, thúc đẩy lưu thông hàng hóa và phát triển du lịch. Thúc đẩy liên kết kinh tế, khoa học - công nghệ với các tỉnh trong vùng; xây dựng các chuỗi giá trị liên kết về nông nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch; mở rộng hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh và vùng phụ cận trở thành hạt nhân lan tỏa; ưu tiên đầu tư hạ tầng các vùng sản xuất, dịch vụ trọng điểm, tạo động lực tăng trưởng mới và không gian phát triển rộng mở cho toàn tỉnh.

8. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương điều hành; đổi mới phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế theo dõi, đánh giá để bảo đảm mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 - 2030

Thiết lập cơ chế điều hành theo mục tiêu tăng trưởng: Giao chỉ tiêu tăng trưởng theo ngành, lĩnh vực, địa bàn và theo quý/năm; xác định rõ “đầu việc - đầu ra - thời hạn - trách nhiệm” đối với từng nhiệm vụ trong Danh mục của Chương trình hành động số 05-CTr/TU.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và tháo gỡ vướng mắc: Duy trì chế độ họp giao ban định kỳ (tháng/quý) về tăng trưởng và giải ngân đầu tư công; kịp thời xử lý các điểm nghẽn về thủ tục đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng, đấu thầu, vật liệu xây dựng, năng lực nhà thầu; kiên quyết điều chuyển vốn đối với dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả.

Đo lường, lượng hóa kết quả thực hiện: Xây dựng bộ chỉ số theo dõi (KPI) tối thiểu cho các nhóm nhiệm vụ chủ lực (giải ngân, khối lượng xây dựng, chỉ số sản xuất, tổng mức bán lẻ, khách du lịch, xuất khẩu, thu ngân sách, thành lập doanh nghiệp, chuyển đổi số...); quy định trách nhiệm báo cáo, cập nhật số liệu và cơ chế cảnh báo sớm khi có nguy cơ không đạt mục tiêu.

Gắn trách nhiệm người đứng đầu: Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ tăng trưởng làm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân; khen thưởng kịp thời điển hình làm tốt, đồng thời kiểm điểm nghiêm các tập thể, cá nhân thiếu trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy, gây chậm trễ.

(Có phục lục các chương trình, dự án cần thực hiện để đạt tăng trưởng “2 con số” kèm theo)

III- Tổ chức thực hiện

1. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh cụ thể hóa Chương trình hành động thành các nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, trọng tâm, trọng điểm; lồng ghép trong công tác chỉ đạo điều hành hằng năm và từng giai đoạn. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát tiến độ; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy

định, bảo đảm hiệu quả và tính liên tục trong tổ chức thực hiện.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền địa phương chủ động nghiên cứu, phổ biến, quán triệt và triển khai thực chất, toàn diện nội dung Chương trình hành động; gắn với nhiệm vụ chính trị, chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của từng địa phương, đơn vị. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động Nhân dân phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao vai trò phản biện và giám sát xã hội đối với quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động. Tăng cường nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, kịp thời phản ánh với cấp ủy, chính quyền để có phương án chỉ đạo phù hợp.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền về các kết luận, nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy; chủ động nắm bắt dư luận xã hội, tham mưu xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong vận động đoàn viên, hội viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân hưởng ứng phong trào thi đua, tạo sự đồng thuận xã hội cao; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh,
- Đảng ủy UBND tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Lê Thành Đô



PHỤ LỤC 1

Chương trình hành động của Tỉnh ủy Điện Biên để thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số"
(Kèm theo Chương trình số 22-CTr/HĐ/TU, ngày 31/12/2025 của Tỉnh ủy Điện Biên)

STT	Nội dung nhiệm vụ/chương trình/dề án	Mục tiêu/Chỉ tiêu	Hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện	Nguồn lực thực hiện
1	Nghị quyết về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, gắn với phát triển đô thị theo hướng hiện đại tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Ban hành Nghị quyết và chương trình thực hiện; hoàn thiện hạ tầng khung đô thị (giao thông, điện, thoát nước) để mở rộng không gian phát triển Góp phần nâng tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ; cải thiện kết nối, giảm chi phí logistics, tạo điều kiện huy động vốn ngoài ngân sách.	Tập trung hoàn thành các dự án giao thông, điện, thoát nước và hạ tầng khung tại khu vực đô thị để mở rộng không gian tăng trưởng.Đẩy nhanh GPMB, giải ngân vốn đầu tư công, đấu giá đất tạo nguồn thu và kích hoạt đầu tư tư nhân vào đô thị – dịch vụ.	Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo định hướng; Đảng ủy UBND tỉnh giao Sở Xây dựng tham mưu lập, phê duyệt quy hoạch và tổ chức triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm.	Sở MM&MT, Sở Tài chính, UBND các xã phường phối hợp tổ chức thực hiện.	Hoàn thành xây dựng, trình ban hành trong quý I/2026	NSNN (NSTW hỗ trợ có mục tiêu, NSDP); vốn đầu tư công trung hạn 2026–2030; huy động PPP/xã hội hóa đối với hạng mục có khả năng thu hồi vốn; nguồn lực đất đai (GPMB, quỹ đất phát triển), vốn tín dụng và các nguồn hợp pháp khác.
2	Nghị quyết về cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2035	Hình thành vùng sản xuất tập trung, liên kết chuỗi; nâng giá trị gia tăng nông nghiệp, cung cấp nguyên liệu ổn định cho chế biến.	Hình thành vùng sản xuất tập trung, liên kết chuỗi giá trị (lúa chất lượng cao, cây ăn quả, chăn nuôi tập trung) để tăng sản lượng và giá trị gia tăng. Phát triển chế biến nông sản, mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, mở rộng thị trường để đóng góp vào công nghiệp – xuất khẩu.	Ban Thường vụ Tỉnh ủy định hướng tái cơ cấu ngành; Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo Sở NN&MT, Sở KHCN, và UBND các xã phường phối hợp tham mưu ban hành kế hoạch và cơ chế hỗ trợ sản xuất – chế biến – liên kết chuỗi giá trị.	Doanh nghiệp, HTX phối hợp triển khai vùng sản xuất và liên kết chuỗi.	Hoàn thành xây dựng, trình ban hành trong quý IV/2025	NSNN lồng ghép CTMTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo; vốn sự nghiệp nông nghiệp/khuynh nông; vốn tín dụng (NHCSXH, ngân hàng thương mại); vốn doanh nghiệp, HTX và người dân; nguồn lực đất đai, khoa học kỹ thuật.
3	Nghị quyết về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu các ngành động lực (xây dựng, logistics, du lịch, công nghiệp chế biến, chuyển đổi số).	Đào tạo nhân lực chất lượng cao cho các ngành tăng trưởng: xây dựng – logistics – du lịch – công nghiệp chế biến – chuyển đổi số.Liên kết doanh nghiệp – trường đào tạo, bảo đảm cung ứng lao động theo nhu cầu dự án, giảm tình trạng thiếu hụt làm chậm tiến độ đầu tư.	Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo chiến lược phát triển nhân lực; Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ tham mưu triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo nhu cầu thị trường và dự án.	Sở GD&ĐT, Sở Tài chính, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp phối hợp đào tạo, bồi dưỡng và kết nối cung – cầu lao động.	Hoàn thành xây dựng, trình ban hành trong quý I/2026	NSNN (NSTW, NSDP) cho giáo dục–đào tạo, dạy nghề; nguồn xã hội hóa và hợp tác với doanh nghiệp; lồng ghép chương trình mục tiêu/dề án đào tạo; huy động chuyên gia, cơ sở đào tạo và nguồn tài trợ hợp pháp.
4	Nghị quyết về phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2025	Nâng mức tiếp cận hạ tầng thiết yếu và dịch vụ xã hội vùng đồng bào DTTS; phát triển sinh kế bền vững, giảm nghèo. Tăng thu nhập, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm địa phương; bảo đảm ổn định xã hội, tạo nền cho tăng trưởng dài hạn.	Đầu tư hạ tầng thiết yếu, giao thông, điện, nước, thông tin để mở vùng sản xuất và tiêu thụ hàng hóa. Phát triển sinh kế bền vững (du lịch cộng đồng, cây đặc sản, chăn nuôi), gắn với giảm nghèo bền vững và mở rộng thị trường tiêu thụ.	Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thống nhất mục tiêu, chính sách dân tộc; Đảng ủy UBND tỉnh tổ chức thực hiện, giao Sở Tài chính phối hợp Sở Dân tộc và Tôn giáo tham mưu đầu tư hạ tầng, sinh kế và giảm nghèo bền vững.	Sở NN&MT, Sở Xây dựng và UBND các xã phường phối hợp thực hiện.	Hoàn thành xây dựng, trình ban hành trong quý I/2026	NSNN, trọng tâm NSTW từ CTMTQG phát triển KT-XH vùng DTTS&MN và CTMTQG giảm nghèo; NSDP đối ứng; lồng ghép các chương trình, dự án; huy động ODA/viện trợ (nếu có), xã hội hóa và nguồn lực cộng đồng.
5	Nghị quyết về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2026-2030	Cải thiện mạnh môi trường đầu tư – kinh doanh; rút ngắn thời gian, chi phí thủ tục về đất đai, đầu tư, giải phóng mặt bằng; tăng minh bạch. Nâng các chỉ số PCI, PAR, PAPI, ICT Index; tạo điều kiện thu hút đầu tư ngoài ngân sách và nâng hiệu quả giải ngân đầu tư công.	Rút ngắn thời gian thủ tục đất đai, đầu tư, giải phóng mặt bằng và thanh quyết toán để tăng tốc triển khai dự án. Nâng chỉ số PCI, PAR, PAPI, ICT Index; thu hút đầu tư ngoài ngân sách vào hạ tầng – đô thị – công nghiệp.	Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo cải cách và phân cấp; Đảng ủy UBND tỉnh ban hành quy định, triển khai cơ chế một cửa và cải thiện các chỉ số PCI, PAR, PAPI, ICT (Sở Nội vụ chủ trì cải cách hành chính; Sở Tài chính chủ trì cải thiện môi trường đầu tư).	Các Sở ngành, địa phương phối hợp thực hiện	Hoàn thành xây dựng, trình ban hành trong quý IV/2025	NSDP trong dự toán chi thường xuyên; kinh phí CCHC và chuyển đổi số; lồng ghép nguồn lực các chương trình/dề án; huy động tư vấn, chuyên gia và hạ tầng số dùng chung.
6	Nghị quyết về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Phát triển khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng; tăng số doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới quản trị. Tăng đóng góp của doanh nghiệp tư nhân vào GRDP, việc làm và thu ngân sách; hình thành doanh nghiệp/chuỗi dịch vụ – công nghiệp có sức lan tỏa.	Hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các lĩnh vực dịch vụ, thương mại, chế biến, logistics. Ưu tiên tiếp cận đất đai – tín dụng – thị trường, tạo gia tăng số doanh nghiệp hoạt động thực chất, đóng góp vào khu vực dịch vụ và công nghiệp.	Ban Thường vụ Tỉnh ủy định hướng phát triển khu vực kinh tế tư nhân; Đảng ủy UBND tỉnh xây dựng cơ chế hỗ trợ DN, khởi nghiệp, tín dụng và tiếp cận đất đai.	Sở Tài chính chủ trì; các Sở ngành, địa phương, hiệp hội doanh nghiệp và phối hợp thực hiện	Hoàn thành xây dựng, trình ban hành trong quý IV/2025	Vốn doanh nghiệp và vốn tín dụng là chủ lực; NSNN hỗ trợ công tác quy hoạch, xúc tiến đầu tư, phát triển hạ tầng thiết yếu, đào tạo nhân lực; huy động PPP/xã hội hóa; quỹ đất và mặt bằng sạch để thu hút dự án.
7	Nghị quyết về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Nâng chất lượng giáo dục và đào tạo nghề gắn nhu cầu thị trường; phát triển nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ tăng trưởng. Ưu tiên giáo dục vùng khó, nội trú DTTS; góp phần nâng năng suất lao động, cải thiện thu nhập và giảm nghèo bền vững.	Mở rộng giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu nhân lực tăng trưởng (xây dựng, du lịch, công nghệ, năng lượng). Nâng chất lượng phổ thông và nội trú dân tộc để tạo nguồn nhân lực đại học, tăng năng suất lao động và thu nhập xã hội.	Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển giáo dục, nhất là vùng khó khăn; Đảng ủy UBND tỉnh và tổ chức thực hiện chương trình, đề án đào tạo và giáo dục nghề nghiệp.	Sở GD&ĐT chủ trì; Sở Nội vụ, UBND các xã phường và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp triển khai đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.	Hoàn thành xây dựng, trình ban hành trong quý I/2026	NSNN (NSTW, NSDP) theo phân cấp; lồng ghép chương trình mục tiêu, dự án trường lớp; xã hội hóa giáo dục và hợp tác công–tư phù hợp; huy động tài trợ hợp pháp.

STT	Nội dung nhiệm vụ/chương trình/dề án	Mục tiêu/Chỉ tiêu	Hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện	Nguồn lực thực hiện
8	Nghị quyết về phát triển du lịch tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Xây dựng tỉnh Điện Biên trở thành một trong những trung tâm du lịch quan trọng của Vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, phát triển du lịch theo định hướng xanh, thông minh, bền vững, có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình, theo hướng chuyên nghiệp; góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia và thúc đẩy hội nhập sâu rộng. Một số chỉ tiêu chủ yếu: Tổng lượng khách du lịch trong giai đoạn đạt 08 triệu lượt. Tổng thu từ khách du lịch trong giai đoạn đạt 15.000 tỷ đồng. Số ngày lưu trú bình quân của khách du lịch tại tỉnh đạt khoảng 03 ngày. Ngành du lịch đóng góp khoảng 10% trong GRDP của tỉnh.	(1) Đổi mới nhận thức, tư duy và tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng về phát triển du lịch; (2) Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách và tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, cộng đồng phát triển du lịch; (3) Tập trung huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật du lịch, thu hút các dự án trọng điểm phát triển du lịch; (4) Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch chất lượng phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; (5) Đẩy mạnh truyền thông, xúc tiến quảng bá du lịch và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong du lịch; (6) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; (7) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về du lịch và đảm bảo an ninh du lịch; (8) Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác phát triển du lịch.	Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo định hướng; Đảng ủy UBND tỉnh giao Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện	Các sở, ngành, địa phương phối hợp thực hiện	Hoàn thành xây dựng, trình ban hành trong quý IV/2025	NSNN (NSTW, NSDP) theo phân cấp; lồng ghép các chương trình mục tiêu; xã hội hóa giáo dục và hợp tác công-tư phù hợp; huy động tái trợ hợp pháp.
9	Nghị quyết về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2030	Đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để nâng năng suất, giảm chi phí, mở rộng thị trường cho doanh nghiệp và chính quyền.	Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, nông nghiệp thông minh, quản lý hạ tầng, du lịch số, thương mại điện tử. Phát triển dữ liệu số, IOC, cải thiện năng suất - giảm chi phí - mở rộng thị trường, tạo động lực tăng trưởng mới của tỉnh.	Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo định hướng chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo, giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện.	Các sở, ngành và UBND các xã, phường phối hợp thực hiện.	Hoàn thành xây dựng, trình ban hành trong quý I/2026	NSDP bố trí theo khả năng cân đối và quy định (ưu tiên tối thiểu 3% tổng chi cho KHCN, đổi mới sáng tạo và CDS theo mục tiêu); NSTW hỗ trợ theo chương trình quốc gia; thuê dịch vụ CNTT, nền tảng số dùng chung; xã hội hóa, hợp tác quốc tế/ODA (nếu có).

PHỤ LỤC 2
Danh mục công trình, dự án ưu tiên của địa phương để thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số"
(Kèm theo Chương trình số 22-CTrHĐ/TU, ngày 31/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên)

TT	Công trình/dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Đầu tư bằng vốn NSNN						
1	Đường cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang	Hoàn thiện tuyến giao thông kết nối đến cửa khẩu, giảm chi phí logistics; tạo điều kiện phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới và dịch vụ liên quan, góp phần thúc đẩy tăng trưởng.	NSTW, NSDP	27.130,30	2026 - 2030	
2	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 12 đến cửa khẩu A Pa Chải	Hoàn thiện tuyến giao thông kết nối đến cửa khẩu, giảm chi phí logistics; tạo điều kiện phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới và dịch vụ liên quan, góp phần thúc đẩy tăng trưởng.	NSTW, NSDP	8.900,00	2026 - 2030	
3	Xây dựng các trường Phổ thông dân tộc nội trú liên cấp Tiểu học, Trung học cơ sở tại 15 xã biên giới	Đầu tư cơ sở vật chất giáo dục vùng biên giới, nâng cao chất lượng học tập và nguồn nhân lực; góp phần ổn định dân cư, bảo đảm an sinh xã hội và quốc phòng – an ninh.	NSTW	2.320,00	2025 - 2030	
4	Hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Điện Biên (Hồ bản Phù, Hồ Mường Mùn, hồ Nậm Là, Hồ Nậm Seo,...)	Đầu tư hệ thống thủy lợi nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước, nâng năng lực tưới tiêu phục vụ sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thích ứng biến đổi khí hậu và nâng giá trị nông nghiệp.	NSTW, NSDP, ODA	3.000,00	2026-2029	
5	Các dự án cụm hồ tỉnh Điện Biên	Đầu tư các công trình hồ chứa nhằm tăng năng lực trữ, điều tiết và cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất; giảm thiểu rủi ro thiên tai, góp phần ổn định và nâng chất tăng trưởng khu vực nông nghiệp – nông thôn.	NSTW, NSDP	750,00	2026-hoàn thành	
6	Mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật và các công trình phục vụ hoạt động cửa khẩu A Pa Chải	Tạo quỹ đất sạch và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ phục vụ hoạt động cửa khẩu; thúc đẩy kinh tế cửa khẩu, thương mại – logistics và dịch vụ biên mậu, tạo nguồn thu và động lực tăng trưởng.	NSTW	600,00	2026-2030	
7	Bảo tồn, tôn tạo Trung tâm tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, kết hợp với cải tạo lại hệ thống cây xanh tại các điểm di tích	Bảo tồn, tôn tạo và nâng cấp hạ tầng di tích nhằm phát huy giá trị lịch sử – văn hóa; hình thành sản phẩm du lịch đặc thù, tăng thu từ dịch vụ – du lịch và lan tỏa phát triển đô thị.	NSTW	260,00	2026-2030	
10	Dự án tăng cường năng lực tự lực cho khu vực nông thôn thông qua xây dựng cơ sở hạ tầng điện cho vùng khó khăn của Tỉnh Điện Biên	Đầu tư hạ tầng điện cho vùng khó khăn nhằm nâng cao khả năng tiếp cận điện, phục vụ sản xuất và đời sống; góp phần giảm nghèo bền vững và tạo điều kiện phát triển kinh tế địa phương.	Vốn ODA viện trợ không hoàn lại của KOICA; vốn đối ứng NSDP	557,75	2026-2030	
11	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; lập, điều chỉnh quy hoạch các xã, phường	Hoàn thiện, điều chỉnh hệ thống quy hoạch làm cơ sở phân bổ không gian phát triển, thu hút đầu tư; bảo đảm đồng bộ giữa hạ tầng, đô thị, công nghiệp và dịch vụ, nâng hiệu lực điều hành phát triển.	Ngân sách nhà nước	10,00	2026	

12	Điều chỉnh, bổ sung dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Điện Biên	Đầu tư các công trình hồ chứa nhằm tăng năng lực trữ, điều tiết và cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất; giảm thiểu rủi ro thiên tai, góp phần ổn định và nâng chất tăng trưởng khu vực nông nghiệp – nông thôn.	NSTW, NSDP	1.054,00	2026-2030	
13	Dự án Quản lý tổng hợp nguồn nước nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Triển khai quản lý tổng hợp tài nguyên nước nhằm bảo vệ dân sinh, bảo đảm nguồn nước cho sản xuất; tăng năng lực phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.	NSTW, NSDP, ODA	1.389,70	2026-2030	
Đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách Nhà nước						
1	Khu đô thị mới Bắc Hồng Cúm, huyện Điện Biên	Phát triển không gian đô thị và hạ tầng đồng bộ; khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu, thu hút dân cư và doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy dịch vụ, thương mại và tăng trưởng GRDP.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	998,592	5 năm kể từ ngày chấp thuận nhà đầu tư	
2	Khu đô thị, du lịch nghỉ dưỡng và thể thao phía Tây Bắc, phường Điện Biên Phủ	Phát triển không gian đô thị và hạ tầng đồng bộ; khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu, thu hút dân cư và doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy dịch vụ, thương mại và tăng trưởng GRDP.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	23.660,79	5 năm kể từ ngày chấp thuận nhà đầu tư	
3	Khu dân cư đô thị Mường Thanh A, phường Điện Biên Phủ	Phát triển không gian đô thị và hạ tầng đồng bộ; khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu, thu hút dân cư và doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy dịch vụ, thương mại và tăng trưởng GRDP.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	613.874	Quý I/2024- Quý II/2026	
4	Khu dân cư đô thị, thương mại dịch vụ tổ dân phố 17, 18 phường Điện Biên Phủ	Phát triển không gian đô thị và hạ tầng đồng bộ; khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu, thu hút dân cư và doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy dịch vụ, thương mại và tăng trưởng GRDP.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	980,618	Từ năm 2023- 2026	
5	Dự án Khu dân cư, dịch vụ thương mại tại xã Thanh Hưng, xã Thanh Chăn, huyện Điện Biên (Khu A)	Phát triển không gian đô thị và hạ tầng đồng bộ; khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu, thu hút dân cư và doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy dịch vụ, thương mại và tăng trưởng GRDP.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	1977,455	Thời gian thực hiện đầu tư xây dựng dự án: 87 tháng (Từ Quý IV/2023 đến Quý IV/2030)	
6	Khu dân cư đô thị Him Lam 7, thành phố Điện Biên Phủ	Phát triển không gian đô thị và hạ tầng đồng bộ; khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu, thu hút dân cư và doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy dịch vụ, thương mại và tăng trưởng GRDP.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	77,421	Quý IV/2023 - Quý II/2026	
7	Dự án khu đô thị mới Him Lam phía đông đường 60m khu A	Phát triển không gian đô thị và hạ tầng đồng bộ; khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu, thu hút dân cư và doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy dịch vụ, thương mại và tăng trưởng GRDP.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	842,659	2024-2030	
8	Toà nhà Viettel Điện Biên	phục vụ nhu cầu văn phòng làm việc tập trung của Viettel Điện Biên và các đơn vị thành viên trên địa bàn; đồng thời tích hợp trung tâm giao dịch, chăm sóc khách hàng, giới thiệu và bán lẻ sản phẩm, khu kỹ thuật và các không gian hỗ trợ khác	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	75,736	Từ quý III/2025 - Quý IV/2027	

9	Tổ hợp giáo dục FPT Điện Biên	Đầu tư cơ sở đào tạo chất lượng cao nhằm phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực số; nâng năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	648,53	9 năm kể từ ngày giao đất	-
10	Nhà máy điện mặt trời Nậm Pồ 1	Đầu tư dự án năng lượng tái tạo nhằm tăng công suất nguồn điện, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng; tạo giá trị gia tăng, việc làm và nguồn thu ngân sách.	Vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	2.771,00	2025-2026	
11	Nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ	Đầu tư dự án năng lượng tái tạo nhằm tăng công suất nguồn điện, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng; tạo giá trị gia tăng, việc làm và nguồn thu ngân sách.	Vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	4.375,00	2025-2027	
12	Nhà máy điện gió Điện Biên Đông, giai đoạn 1	Đầu tư dự án năng lượng tái tạo nhằm tăng công suất nguồn điện, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng; tạo giá trị gia tăng, việc làm và nguồn thu ngân sách.	Vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	5.185,00	2026-2030	
13	Nhà máy điện gió Mường Ảng	Đầu tư dự án năng lượng tái tạo nhằm tăng công suất nguồn điện, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng; tạo giá trị gia tăng, việc làm và nguồn thu ngân sách.	Vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	4.445,00	2026-2030	
14	Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	Đầu tư dự án năng lượng tái tạo nhằm tăng công suất nguồn điện, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng; tạo giá trị gia tăng, việc làm và nguồn thu ngân sách.	Vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	6.500,00	2026-2030	
15	Nhà máy điện mặt trời trên mặt Hồ Pá Khoang tích hợp Pin lưu trữ	Đầu tư dự án năng lượng tái tạo nhằm tăng công suất nguồn điện, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng; tạo giá trị gia tăng, việc làm và nguồn thu ngân sách.	Vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	2.401,369	Quý I/2026-Quý I/2027	
16	Nhà máy điện mặt trời Điện Biên 1	Đầu tư dự án năng lượng tái tạo nhằm tăng công suất nguồn điện, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng; tạo giá trị gia tăng, việc làm và nguồn thu ngân sách.	Vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	5.529,55	2026-2028	
17	Dự án Điện mặt trời lòng hồ thủy điện Nậm Mu 2	Đầu tư dự án năng lượng tái tạo nhằm tăng công suất nguồn điện, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng; tạo giá trị gia tăng, việc làm và nguồn thu ngân sách.	Vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	198,14	2026-2028	
18	Dự án Điện mặt trời lòng hồ thủy điện Mùn Chung 2	Đầu tư dự án năng lượng tái tạo nhằm tăng công suất nguồn điện, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng; tạo giá trị gia tăng, việc làm và nguồn thu ngân sách.	Vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	171,41	2026-2028	
19	Dự án Khu đô thị mới Nam Thanh Trường	Hoàn thiện công trình văn hóa – tâm linh phục vụ giáo dục truyền thống, tưởng niệm; kết hợp phát triển du lịch lịch sử, nâng chất sản phẩm dịch vụ.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	1.638,05	2026-2030	

20	Nhà máy sản xuất gạch công nghệ lò xoay Tuynel Tuần Giáo	Sản xuất gạch tuynel cung cấp cho thị trường xây dựng trong và ngoài tỉnh; giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, hướng đến phát triển kinh tế - xã hội bền vững; tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	136,00	Quý III/2025 - Quý IV năm 2026	
21	Nhà máy sản xuất gạch Tuynel NH	Sản xuất gạch tuynel cung cấp cho thị trường xây dựng trong và ngoài tỉnh; giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, hướng đến phát triển kinh tế - xã hội bền vững; tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	136,00	Quý III/2025 - Quý IV năm 2027	
22	Đền thờ liệt sĩ tại Chiến trường Điện Biên Phủ giai đoạn 2	Đầu tư hạ tầng khu/cụm công nghiệp nhằm thu hút dự án sản xuất – chế biến; tạo việc làm, tăng thu ngân sách và hình thành động lực tăng trưởng khu vực công nghiệp – xây dựng.	Vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài Ngân sách Nhà nước	Chưa xác định; tổng mức đầu tư sẽ được xác định sau khi lựa chọn nhà đầu tư/hoàn thiện đề xuất dự án và thống nhất quy mô, phương án đầu tư	Giai đoạn 2026–2030 (chuẩn bị đầu tư, xúc tiến thu hút; triển khai khi đủ điều kiện và được cấp có thẩm quyền quyết định)	
23	3 dự án khu, cụm công nghiệp	Hình thành sản phẩm du lịch – dịch vụ chất lượng cao, đa dạng hóa chuỗi dịch vụ; tăng lượng khách, tăng chi tiêu và thời gian lưu trú, tạo việc làm và tăng thu ngân sách.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước			
24	2 dự án nghỉ dưỡng khoáng nóng và kết hợp các mục đích khác	Phát triển không gian đô thị và hạ tầng đồng bộ; khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu, thu hút dân cư và doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy dịch vụ, thương mại và tăng trưởng GRDP.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước			
25	Khu đô thị, du lịch, vui chơi giải trí khu vực hồ Pá Khoang	Phát triển không gian đô thị và hạ tầng đồng bộ; khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu, thu hút dân cư và doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy dịch vụ, thương mại và tăng trưởng GRDP.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước			
26	Dự án khu dân cư đô thị mới và dịch vụ thương mại Nam Thanh B	Phát triển không gian đô thị và hạ tầng đồng bộ; khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu, thu hút dân cư và doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy dịch vụ, thương mại và tăng trưởng GRDP.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước			
27	Khu đa chức năng dọc trục đường 60m phường Him Lam và Phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ	Phát triển không gian đô thị và hạ tầng đồng bộ; khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu, thu hút dân cư và doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy dịch vụ, thương mại và tăng trưởng GRDP.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước			
28	Quần thể đô thị, dịch vụ, cáp treo Điện Biên	Hình thành sản phẩm du lịch – dịch vụ chất lượng cao, đa dạng hóa chuỗi dịch vụ; tăng lượng khách, tăng chi tiêu và thời gian lưu trú, tạo việc làm và tăng thu ngân sách.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước			
29	Tổ hợp khu đô thị, du lịch, thể thao, vui chơi giải trí Hồ Huổi Phạ và phụ cận	Phát triển không gian đô thị và hạ tầng đồng bộ; khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu, thu hút dân cư và doanh nghiệp; góp phần thúc đẩy dịch vụ, thương mại và tăng trưởng GRDP.	Vốn ngoài Ngân sách Nhà nước			
30	Xây dựng 5 nhà máy chế biến mắc ca, cà phê, rau, quả, dược liệu	Đầu tư nhà máy chế biến nhằm nâng giá trị gia tăng nông sản, phát triển công nghiệp chế biến; thúc đẩy liên kết vùng nguyên liệu – chế biến – thị trường và tăng thu nhập cho người dân.	Vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài Ngân sách Nhà nước			
31	10 dự án trang trại sản xuất chăn nuôi tập trung, nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi, nhà máy sản xuất phân bón	Đầu tư nhà máy chế biến nhằm nâng giá trị gia tăng nông sản, phát triển công nghiệp chế biến; thúc đẩy liên kết vùng nguyên liệu – chế biến – thị trường và tăng thu nhập cho người dân.	Vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài Ngân sách Nhà nước			